

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 34/TCT-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2022

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính
hợp nhất Quý 4/2021 và giải trình các nội
dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức công bố thông tin

- Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP
- Mã chứng khoán: PIS
- Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghènh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định
- Điện thoại: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng giám đốc

2. Nội dung công bố thông tin:

2.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2021 của Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP bao gồm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2021 đính kèm.

2.2. Các nội dung giải trình:

Giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất giữa Quý 4/2021 so với cùng kỳ năm trước:

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2021	Quý 4/2020	Chênh lệch
1	Phần lãi lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	3.438.838.155	7.860.972.182	-56,3%
2	Lợi nhuận sau thuế	10.841.386.701	12.552.444.875	-13,6%

Lợi nhuận sau thuế giảm 13,6% so với cùng kỳ chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tác động đến kết quả kinh doanh tại các Công ty liên kết liên doanh, làm cho phần lãi lỗ từ các Công ty liên kết, liên doanh giảm mạnh 56,3%.

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày /01/2022 tại đường dẫn: www.pisico.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Đồng Thị Ánh

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

----- ❁ -----

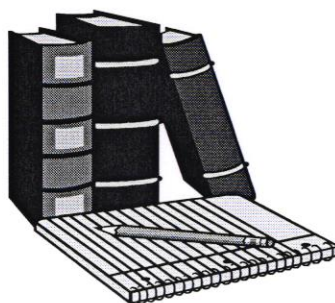


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- ❁ -----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2021

----- ❁ -----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 27 tháng 01 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-31

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		222.240.338.048	246.016.748.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	40.916.071.985	22.982.970.994
1. Tiền	111		37.716.071.985	22.982.970.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.200.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.600.000.000	27.714.908.950
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2	26.600.000.000	27.714.908.950
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.487.380.334	104.978.724.212
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	25.624.023.533	33.790.350.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	19.845.777.479	19.545.885.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		40.130.780.000	39.365.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	19.126.151.690	20.841.248.153
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(8.239.352.368)	(8.563.759.633)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	55.889.203.129	87.901.585.571
1. Hàng tồn kho	141		55.889.203.129	87.901.585.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.347.682.600	2.438.559.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	655.700.729	677.589.483
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.691.981.871	1.648.100.831
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	-	112.868.768
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		314.205.843.767	311.127.705.136
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.166.634.000	214.809.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		4.166.634.000	214.809.000
II. Tài sản cố định	220		77.823.346.204	87.296.698.362
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	64.338.406.740	73.422.397.366
<i>Nguyên giá</i>	222		183.168.758.542	180.829.695.993
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(118.830.351.802)	(107.407.298.627)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	13.484.939.464	13.874.300.996
<i>Nguyên giá</i>	228		16.970.834.944	16.970.834.944
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.485.895.480)	(3.096.533.948)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	25.317.577.803	39.074.491.828
<i>Nguyên giá</i>	231		72.242.990.800	86.217.487.253
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(46.925.412.997)	(47.142.995.425)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.785.929.685	7.328.432.038
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V. 8	29.064.380.215	5.223.006.318
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8	721.549.470	2.105.425.720
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		162.422.866.857	162.920.664.624
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2	152.855.152.834	156.352.950.601
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(883.905.973)	(883.905.973)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.000.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.689.489.218	14.292.609.284
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	13.193.519.296	12.881.130.423
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.495.969.922	1.174.295.607
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	237.183.254
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		536.446.181.815	557.144.453.945

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		199.564.988.489	189.725.350.661
I. Nợ ngắn hạn	310		114.456.773.573	105.477.917.379
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	16.020.821.218	20.417.769.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	9.710.390.754	5.388.787.398
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	2.019.510.576	2.545.353.567
4. Phải trả người lao động	314		6.318.794.246	5.766.267.239
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	2.967.575.635	1.104.521.245
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	5.010.283.324	4.952.483.265
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	3.015.585.377	1.471.416.928
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	68.647.720.335	62.858.786.143
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	746.092.108	972.531.900
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		85.108.214.916	84.247.433.282
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	78.878.093.204	77.451.211.570
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.934.780.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	1.295.341.000	1.867.841.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		336.881.193.326	367.419.103.284
I. Vốn chủ sở hữu	410		336.881.193.326	367.419.103.284
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	12.879.015.100	15.900.677.611
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.703.335.540	12.703.335.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	17.582.500.369	35.722.579.795
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.800.264.726	9.382.873.007
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.782.235.643	26.339.706.788
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	18.716.342.317	28.092.510.338
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		536.446.181.815	557.144.453.945

Bình Định, ngày 27 tháng 01 năm 2022



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Phước
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		79.559.563.221	85.291.031.774	473.126.637.830	564.490.272.675
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	79.559.563.221	85.291.031.774	473.126.637.830	564.490.272.675
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	63.343.534.598	68.912.493.637	412.433.328.114	488.636.979.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.216.028.623	16.378.538.137	60.693.309.716	75.853.293.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	2.543.039.892	3.401.383.255	8.222.878.756	8.044.458.035
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	1.192.074.364	1.806.683.792	4.569.444.398	7.390.449.173
Trong đó: chi phí lãi vay	23		910.207.279	703.704.914	3.628.715.159	3.551.336.857
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	3.438.838.155	7.860.972.182	8.470.311.165	6.826.487.196
9. Chi phí bán hàng	25		4.424.404.473	5.277.668.083	24.336.220.866	30.989.093.438
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.470.248.608	7.347.324.176	23.066.229.278	25.403.724.525
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.111.179.225	13.209.217.523	25.414.605.095	26.940.971.151
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	772.199.559	80.232.661	5.930.118.268	11.843.748.767
13. Chi phí khác	32	VI. 6	125.752.107	127.462.647	943.247.310	2.549.007.340
14. Lợi nhuận khác	40		646.447.452	(47.229.986)	4.986.870.958	9.294.741.427
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.757.626.677	13.161.987.537	30.401.476.053	36.235.712.578
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	(66.117.551)	359.311.521	3.297.379.720	4.984.473.347
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(17.642.473)	250.231.141	(321.674.315)	486.717.312
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.841.386.701	12.552.444.875	27.425.770.648	30.764.521.919
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	61	VI. 9	11.393.311.025	12.656.161.575	25.720.375.516	27.839.706.788
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(551.924.324)	(103.716.700)	1.705.395.132	2.924.815.131
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	414	378	935	930

Bình Định, ngày 27 tháng 01 năm 2022



Nguyễn Đức Phước
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Anh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.401.476.053	36.235.712.578
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	13.754.385.057	15.326.559.659
- Các khoản dự phòng	03		222.391.348	1.133.895.937
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		178.440.422	64.325.620
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(18.825.497.259)	(18.187.499.331)
- Chi phí lãi vay	06		3.628.715.159	3.551.336.857
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.359.910.780	38.124.331.320
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.412.225.317	39.661.213.281
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.171.008.545	(2.325.443.363)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		6.094.216.510	(4.579.183.367)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(96.719.764)	(1.599.102.083)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.616.569.183)	(3.596.057.946)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.832.474.085)	(6.578.327.903)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		58.073.625	11.930.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.061.556.666)	(7.345.612.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.488.115.079	51.773.746.971
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.954.336.086)	(4.208.865.225)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		15.190.758.636	8.208.708.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(91.250.000.000)	(60.952.426.840)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		88.599.128.950	31.728.994.035
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.980.000.000)	(2.248.480.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.464.556.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.612.635.836	9.918.696.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(781.812.664)	(4.088.815.360)



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		370.000.000	364.400.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	294.731.675.815	385.425.374.284
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(289.629.380.430)	(408.878.834.663)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(24.199.761.550)	(30.314.316.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.727.466.165)	(53.403.376.879)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.978.836.250	(5.718.445.268)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.982.970.994	28.704.762.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(45.735.259)	(3.346.500)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		40.916.071.985	22.982.970.994

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2022



Nguyễn Đức Phước
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
a. Công ty con				
Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	70,83%	70,83%
Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	10.000.000.000	100%	100,00%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn.	24.500.000.000	51%	51,00%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây sơn, P. Ghềnh Ráng Tp.Quy Nhơn.	5.000.000.000	100%	100,00%
Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	99 Tây sơn, P. Ghềnh Ráng Tp.Quy Nhơn.	350.000.000.000	57,14%	57,14%
Công ty CP Pisico Đắc Lắc	25 An Dương Vương, TT M'Đrăk, H.M'Đrăk, Tỉnh Đắc Lắc	15.000.000.000	70,03%	70,03%
b. Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	22.500.000.000	40,01%	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	23.800.000.000	44,97%	44,97%
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (Gián tiếp)	Đường Tây Sơn, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	9.000.000.000	22,95%	45,00%

c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:**► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico**

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con cho cùng giai đoạn tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tỷ giá được chọn để áp dụng trong kế toán: tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Các báo cáo tài chính có đồng tiền kế toán không phải là Việt Nam đồng được chuyển đổi sang Việt Nam đồng phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi Bảng Cân đối kế toán được trình bày tại khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Một Công ty được xác định là công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được phân bổ và được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thu hồi còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà có bằng chứng cho thấy người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho, các chi phí thu mua (nếu có), các chi phí gia công sản xuất (nếu có)... để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, và khi có bằng chứng cho thấy giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Tài sản khác	4 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Khi bắt đầu hoạt động sản xuất được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ mà Tổng Công ty phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thanh toán còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ thuế hoặc được khấu trừ ở các năm khác (bao gồm cả số lỗ mang sang, nếu có).

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó phát sinh liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt tại quỹ	2.239.366.163	3.181.244.641
Tiền gửi ngân hàng	35.476.705.822	19.801.726.353
Các khoản tương đương tiền	3.200.000.000	-
Cộng	<u>40.916.071.985</u>	<u>22.982.970.994</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>		<u>Tại ngày 01/01/2021</u>	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
Ngắn hạn	26.600.000.000	-	27.714.908.950	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	26.600.000.000	-	27.714.908.950	-
a2. Dài hạn	3.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	-	-	-
Cộng	<u>29.600.000.000</u>	-	<u>27.714.908.950</u>	-

b. Đầu tư tài chính dài hạn

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	Công ty TNHH SX Dầm gỗ BÐ (Gián tiếp)	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2021	10.992.712.836	17.628.230.129	111.281.994.584	16.450.013.052	156.352.950.601
Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	1.058.786.626	8.076.585.979	(3.261.937.322)	2.596.875.882	8.470.311.165
Cổ tức nhận trong kỳ	(963.250.200)	(5.851.950.000)			(6.815.200.200)
Tăng/(giảm) VCSH tại công ty liên kết	(220.946.357)	(505.124.670)	(1.265.359.236)		(1.991.430.263)
Tăng/(giảm) CLTG hối đoái tại công ty liên kết			(2.848.585.001)	(312.893.468)	(3.161.478.469)
Tại ngày 31/12/2021	10.867.302.905	19.347.741.438	103.906.113.025	18.733.995.466	152.855.152.834

b2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
CTCP Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định (Vicosimex)	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
Cộng		7.451.619.996		7.451.619.996

Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

*** Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
- Công ty CP Chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
Cộng	883.905.973	883.905.973

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
a. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	5.351.693.329	11.695.031.329
b. Phải thu các bên thứ ba	20.272.330.204	22.095.319.321
EUROMATE GMBH	1.785.445.189	2.177.707.247
OBI	7.076.203.995	3.842.217.269
CTY CP ĐT QTẾ & XNK DHT	1.366.114.783	1.234.765.247
CTY TNHH VẠN ĐẠI	1.715.861.472	1.915.861.472
DNTN Phú Lợi	2.109.218.075	2.135.336.772
Khách hàng khác	6.219.486.690	10.789.431.314
Cộng	25.624.023.533	33.790.350.650

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
a. Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	14.300.000.000	14.300.000.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b. Trả trước cho các bên thứ ba	5.545.777.479	5.245.885.042				
CTCP TƯ VẤN TK XD PHƯƠNG VIỆT	1.697.790.000	1.697.790.000				
Khách hàng khác	3.847.987.479	3.548.095.042				
Cộng	19.845.777.479	19.545.885.042				
5. Phải thu khác	31/12/2021	01/01/2021				
a. Ngắn hạn	19.126.151.690	20.841.248.153				
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	14.016.330.813	14.250.945.011				
- Phải thu các bên thứ ba	5.109.820.877	6.590.303.142				
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	7.700.175	7.508.529				
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	43.665.264	43.642.464				
Phải thu lãi vay, lãi tiền gửi	183.101.918	275.349.038				
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572				
Tạm ứng CBCNV	1.568.367.440	1.677.868.321				
Cổ tức được chia	1.023.750.000	1.985.013.518				
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	202.339.599	197.420.685				
Ký quỹ	1.005.670.333	1.345.069.485				
Các khoản khác	42.022.576	25.227.530				
b. Dài hạn	4.166.634.000	214.809.000				
Ký quỹ thực hiện dự án Đắc Lắc	214.809.000	214.809.000				
Ký quỹ thực hiện dự án NOXH	3.951.825.000	214.809.000				
Cộng	23.292.785.690	21.056.057.153				
6. Hàng tồn kho	31/12/2021	01/01/2021				
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	12.121.295.523	14.117.943.668				
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.290.657.033	1.824.233.848				
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.950.898.382	39.567.533.021				
Thành phẩm tồn kho	24.880.742.669	28.933.170.605				
Hàng hóa bất động sản	645.609.522	3.458.704.429				
Cộng	55.889.203.129	87.901.585.571				
7. Dự phòng phải thu khó đòi	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi
CTCP Chế biến						
Tinh bột sắn BĐ	1.033.203.572	1.033.203.572	-	1.033.203.572	1.033.203.572	-
Công ty TNHH						
Vạn Đại	1.715.861.472	1.151.742.840	564.118.632	1.915.861.472	883.935.673	1.031.925.799
DNTN Phú lợi	2.109.218.075	2.161.044.155	(51.826.080)	2.135.336.772	2.161.249.812	(25.913.040)
Đặng Ngọc Sơn	741.390.900	741.390.900	-	741.390.900	741.390.900	-
Trần Thanh Tâm	794.305.450	794.305.450	-	794.305.450	794.305.450	-
Khách hàng khác	4.487.128.103	2.357.665.451	2.129.462.652	6.109.834.280	2.949.674.226	3.160.160.054
Cộng	10.881.107.572	8.239.352.368	2.641.755.204	12.729.932.446	8.563.759.633	4.166.172.813
8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2021	01/01/2021				
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	29.064.380.215	5.223.006.318				
- CP Trồng Rừng kinh tế	27.886.761.257	4.986.816.500				
- CP Dự án NOXH	1.177.618.958	236.189.818				

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b. Xây dựng cơ bản dở dang	721.549.470	2.105.425.720
- Chi mua sắm TSCĐ	-	1.120.380.000
- Chi xây dựng các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	-	573.966.370
- Chi xây dựng cơ bản dở dang khác	721.549.470	411.079.350
Cộng	29.785.929.685	7.328.432.038

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2021	79.936.362.563	83.245.359.098	15.134.812.399	1.457.678.251	1.055.483.682	180.829.695.993
Đầu tư mới	71.550.000	2.267.512.549	-	-	-	2.339.062.549
Tại 31/12/2021	80.007.912.563	85.512.871.647	15.134.812.399	1.457.678.251	1.055.483.682	183.168.758.542
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2021	39.008.658.745	56.523.948.814	9.552.435.348	1.324.596.126	997.659.594	107.407.298.627
Trích khấu hao	3.473.646.090	6.809.090.609	997.085.372	89.301.892	53.929.212	11.423.053.175
Tại 31/12/2021	42.482.304.835	63.333.039.423	10.549.520.720	1.413.898.018	1.051.588.806	118.830.351.802
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2021	40.927.703.818	26.721.410.284	5.582.377.051	133.082.125	57.824.088	73.422.397.366
Tại 31/12/2021	37.525.607.728	22.179.832.224	4.585.291.679	43.780.233	3.894.876	64.338.406.740

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2021	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944
Tại 31/12/2021	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2021	645.771.020	2.396.762.928	54.000.000	3.096.533.948
Trích khấu hao	80.721.244	308.640.288	-	389.361.532
Tại 31/12/2021	726.492.264	2.705.403.216	54.000.000	3.485.895.480
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2021	2.663.799.924	11.210.501.072	-	13.874.300.996
Tại 31/12/2021	2.583.078.680	10.901.860.784	-	13.484.939.464

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại 01/01/2021	38.635.719.983	47.581.767.270	86.217.487.253
Phát sinh giảm	-	13.974.496.453	13.974.496.453
Tại 31/12/2021	38.635.719.983	33.607.270.817	72.242.990.800
	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh	Tổng cộng
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2021	37.145.899.365	9.997.096.060	47.142.995.425
Trích khấu hao	1.245.238.010	696.732.340	1.941.970.350
Phát sinh giảm		2.159.552.778	2.159.552.778
Tại 31/12/2021	38.391.137.375	8.534.275.622	46.925.412.997
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2021	1.489.820.618	37.584.671.210	39.074.491.828
Tại 31/12/2021	244.582.608	25.072.995.195	25.317.577.803

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

12. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí trả trước ngắn hạn	655.700.729	677.589.483
Chi phí trả trước dài hạn	13.193.519.296	12.881.130.423
Cộng	13.849.220.025	13.558.719.906

13. Vay và nợ thuê tài chính

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại 01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại 31/12/2021
VCB Quy Nhơn	62.858.786.143	295.304.175.815	289.629.380.430	114.138.807	68.647.720.335
Vay Việt Nam Đồng	47.024.635.324	247.120.424.410	248.938.477.749	-	45.206.581.985
Vay Đô - la Mỹ	12.479.150.819	46.721.251.405	37.252.777.681	114.138.807	22.061.763.350
Vay dài hạn đến hạn trả	3.355.000.000	1.462.500.000	3.438.125.000	-	1.379.375.000
Cộng	62.858.786.143	295.304.175.815	289.629.380.430	114.138.807	68.647.720.335

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại 01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Điều chỉnh trong kỳ	Tại 31/12/2021
A. Vay dài hạn	1.867.841.000	890.000.000	1.462.500.000	-	1.295.341.000
VCB Quy Nhơn	1.867.841.000	890.000.000	1.462.500.000	-	1.295.341.000
Vay Việt Nam Đồng	1.867.841.000	890.000.000	1.462.500.000	-	1.295.341.000
Cộng	1.867.841.000	890.000.000	1.462.500.000	-	1.295.341.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Phải trả các bên thứ ba	16.020.821.218	20.417.769.694
Công ty TNHH THC Sài Gòn tourist	1.239.741.410	1.020.278.337
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	1.041.315.100	1.205.864.820
XNKD DVTH Cảng Quy Nhơn	2.146.856.538	450.607.366
CTY TNHH LÂM SẢN KIM CƯƠNG	1.391.857.115	-
CTY TNHH HIẾU NAM	1.191.850.110	549.142.000
CÔNG TY TNHH ĐỨC THÀNH	1.282.517.031	902.862.475
SCANCOM	-	2.620.420.054
Khách hàng khác	7.726.683.914	13.668.594.642
Cộng	16.020.821.218	20.417.769.694

15. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Phải trả các bên thứ ba	9.710.390.754	5.388.787.398
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	4.649.331.542	4.782.330.624
KHÁCH HÀNG MIDAN GLOBAL	552.408.390	507.841.460
KHÁCH HÀNG STI GROUP INC	1.569.848.082	-
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	2.840.619.279	-
Khách hàng khác	98.183.461	98.615.314
Cộng	9.710.390.754	5.388.787.398

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	406.535.668	-	985.756.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	351.759.402	112.868.768	999.722.535
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.869.335	-	71.270.931
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	992.110.592	-	-
Các loại thuế khác	-	235.235.579	-	488.603.517
Cộng	-	2.019.510.576	112.868.768	2.545.353.567

Chi tiết như sau:

	Tại 01/01/2021	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Tại 31/12/2021
Thuế GTGT hàng nội địa	985.756.584	15.439.735.449	16.018.956.365	406.535.668
Thuế GTGT hàng NK	-	175.793.898	175.793.898	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.909.369.908	1.909.369.908	-
Thuế thu nhập DN	886.853.767	3.297.379.720	3.832.474.085	351.759.402
Thuế môn bài	-	20.000.000	20.000.000	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	1.437.234.967	445.124.375	992.110.592
Thuế thu nhập cá nhân	71.270.931	599.581.958	636.983.554	33.869.335
Thuế khác	488.603.517	253.274.628	506.642.566	235.235.579
Cộng	2.432.484.799	23.132.370.528	23.545.344.751	2.019.510.576

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Chi phí thuê bản quyền truyền hình, băng thông	-	171.430.487
Lãi vay phải trả	47.883.193	35.737.217
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	169.565.000	126.669.000
Các khoản chi phí khác	329.142.466	521.722.518
Phí hoa hồng môi giới	636.001.940	166.673.889
Tiền nước + Điện + thuê đất	-	13.288.134
Chi phí khai thác rừng & QLBV rừng	1.709.983.036	-
Thủ lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	75.000.000	69.000.000
Cộng	<u>2.967.575.635</u>	<u>1.104.521.245</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	10.000.000
Tiền cọc cho thuê Văn phòng	113.000.000	113.000.000
Cty TNHH THC Saigontourist (LN phải trả)	1.200.000.000	-
Kinh phí công đoàn	1.017.794.170	839.647.607
CTY TNHH ĐT XD AV AN LỘC PHÁT	-	89.722.500
Phải trả cổ tức	41.229.525	17.262.450
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Trợ cấp thôi việc + bảo hiểm xã hội phải trả	11.099.400	11.099.400
Phải trả Công Đoàn TCTy	233.091.847	319.091.847
Tiền thuê đất thô phải trả NN của các DN	199.680.673	-
Các khoản khác	131.055.582	12.958.944
Cộng	<u>3.015.585.377</u>	<u>1.471.416.928</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại 01/01/2021	972.531.900
Trích từ lợi nhuận sau thuế	2.812.646.874
Thu khác	22.470.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	3.061.556.666
Tại 31/12/2021	<u>746.092.108</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a. Ngắn hạn	5.010.283.324	4.952.483.265
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	965.430.748	1.046.474.170
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Canh Vinh và Cát Nhơn	2.650.361.296	2.757.995.971
Cho thuê Văn phòng làm việc	253.035.000	249.255.000
Doanh thu thuê bao Truyền hình cáp + Internet	1.141.456.280	898.758.124
b. Dài hạn	78.878.093.204	77.451.211.570
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Canh Vinh và Cát Nhơn	78.186.557.872	76.017.404.413
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	691.535.332	1.426.320.796
Doanh thu thuê bao Truyền hình cáp + Internet	-	7.486.361
Cộng	<u>83.888.376.528</u>	<u>82.403.694.835</u>



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21. Vốn chủ sở hữu**Chi tiết biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020	275.000.000.000	19.949.896.479	12.703.335.540	43.659.351.658	351.312.583.677
Lợi nhuận năm 2020				27.839.706.788	27.839.706.788
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi				(2.256.897.016)	(2.256.897.016)
Chia lợi nhuận cho đối tác TH Cấp				(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức				(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Tăng/(giảm) VCSH tại Công ty liên kết				(4.519.581.635)	(4.519.581.635)
CLTG hối đoái		(4.049.218.868)			(4.049.218.868)
Tại ngày 31/12/2020	275.000.000.000	15.900.677.611	12.703.335.540	35.722.579.795	339.326.592.946
Lợi nhuận năm 2021				25.720.375.516	25.720.375.516
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi				(2.269.859.003)	(2.269.859.003)
Chia lợi nhuận cho đối tác TH Cấp				(2.200.000.000)	(2.200.000.000)
Chia cổ tức				(22.687.500.000)	(22.687.500.000)
Tăng/(giảm) VCSH tại Công ty liên kết				(1.991.430.263)	(1.991.430.263)
Chênh lệch giá mua tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty PBC				(14.738.139.873)	(14.738.139.873)
CLTG hối đoái		(3.021.662.511)		26.474.197	(2.995.188.314)
Tại 31/12/2021	275.000.000.000	12.879.015.100	12.703.335.540	17.582.500.369	318.164.851.009

Cơ cấu sở hữu

Cổ đông	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN	Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	Công ty CP PISICO ĐAKLAK	Tổng Cộng
Tại ngày 01/01/2020	7.524.332.414	18.619.323.305	-	-	26.143.655.719
Lợi nhuận trong năm 2020	1.736.341.431	1.188.473.700			2.924.815.131
Chia cổ tức					-
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	(150.846.500)	(1.189.514.012)			(1.340.360.512)
Vốn góp của CĐKKS		-		364.400.000	364.400.000
Tại ngày 31/12/2020	9.109.827.345	18.618.282.993	-	364.400.000	28.092.510.338
Vốn góp của CĐKKS		-	150.000.000	220.000.000	370.000.000
Lợi nhuận trong năm 2021	355.289.835	1.350.105.297			1.705.395.132
Chia cổ tức		(1.500.625.000)			(1.500.625.000)
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	(190.997.333)	(518.080.693)			(709.078.026)
CĐKKS giảm tỉ lệ sở hữu	(9.241.860.127)				(9.241.860.127)
Tại 31/12/2021	32.259.720	17.949.682.597	150.000.000	584.400.000	18.716.342.317

Chi tiết biến động Lợi ích CĐKKS

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020	16.380.000.000	1.925.192.264	2.895.407.110	4.943.056.345	26.143.655.719
Lợi nhuận năm 2020	-	-	-	2.924.815.131	2.924.815.131
Trích Quỹ trong năm	-	-	-	(1.323.236.065)	(1.323.236.065)
Góp vốn	364.400.000			-	364.400.000
CLTG hối đoái		(17.124.447)			(17.124.447)
Tại ngày 31/12/2020	16.744.400.000	1.908.067.817	2.895.407.110	6.544.635.411	28.092.510.338
Góp vốn	370.000.000	-	-	-	370.000.000
Lợi nhuận năm 2021	-	-	-	1.705.395.132	1.705.395.132
Trích Quỹ trong năm	-	-	-	(542.787.871)	(542.787.871)
Giảm tỉ lệ sở hữu	(4.360.000.000)	-	(188.933.333)	(4.692.926.794)	(9.241.860.127)
Chia cổ tức	-			(1.510.728.992)	(1.510.728.992)
CLTG hối đoái		(156.186.163)		-	(156.186.163)
Tại 31/12/2021	12.754.400.000	1.751.881.654	2.706.473.777	1.503.586.886	18.716.342.317



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	726.086,18	203.293,17
EURO	202,53	262,95
b. Nợ khó đòi đã xử lý	7.187.350.852	6.640.552.239
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666
Công nợ tại Công ty Nguyên Liệu Giấy	1.563.681.213	1.016.882.600

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020</u>
Tổng doanh thu	473.126.637.830	564.490.272.675
Các khoản giảm trừ		-
Doanh thu thuần	473.126.637.830	564.490.272.675
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	433.867.708.625	514.877.126.070
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng	9.487.259.082	17.314.192.280
Doanh thu DV Truyền Hình Cáp	29.771.670.123	32.294.424.325
Doanh thu dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	-	4.530.000
Cộng	473.126.637.830	564.490.272.675

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020</u>
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	319.130.835.072	462.356.832.890
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng	71.150.860.443	7.320.569.611
Giá vốn DV Truyền Hình Cáp	22.151.632.599	18.911.577.118
Giá vốn dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	-	48.000.000
Cộng	412.433.328.114	488.636.979.619

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.835.000.000	1.831.700.000
Lãi tiền gửi, cho vay	5.709.337.503	5.470.258.710
Lãi chênh lệch tỷ giá	678.541.253	385.735.270
Lãi từ hoạt động đầu tư ngoài DN	-	356.764.055
Cộng	8.222.878.756	8.044.458.035

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Chi phí lãi vay	3.628.715.159	3.551.336.857
Lỗi chênh lệch tỷ giá	762.288.817	373.589.621
Lỗi CLTG đánh giá lại cuối kỳ	178.440.422	64.431.402
Lỗi từ hoạt động đầu tư ngoài DN	-	3.401.091.293
Cộng	4.569.444.398	7.390.449.173

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Lãi thanh lý tài sản cố định	2.801.848.591	6.070.177.091
Tiền thưởng tàu	621.405.835	57.027.167
Xử lý, thu hồi nợ	9.000.000	826.755.059
Tiền đền bù GPMB	2.463.216.000	4.712.858.000
Thu nhập khác	34.647.842	176.931.450
Cộng	5.930.118.268	11.843.748.767

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Xử lý nợ	426.000.000	1.015.465.920
Chi thù lao HĐQT	513.764.708	499.764.708
Các khoản chi phí khác	3.482.602	1.033.776.712
Cộng	943.247.310	2.549.007.340

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần chế biến gỗ nội thất Pisico	8.076.585.979	7.473.617.407
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	1.058.786.626	2.283.936.816
- Công ty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	2.596.875.882	16.785.807
- Công ty Cổ phần KD CNN Bình Định	(3.261.937.322)	(2.947.852.834)
Cộng	8.470.311.165	6.826.487.196

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Lợi nhuận trước thuế	30.401.476.053	36.235.712.578
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	4.716.884.686	5.503.776.887
Khoản lỗ tại các đơn vị thành viên không được bù trừ	706.434.117	836.930.964
Các khoản chi phí không được trừ	4.010.450.569	4.666.845.923

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Các khoản điều chỉnh giảm	11.855.387.253	12.906.023.550
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	10.274.148.151	11.329.449.078
Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	4.664.630	-
Các khoản khác	1.576.574.472	1.576.574.472
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	23.262.973.486	28.833.465.915
<u>Trong đó:</u>		
Tổng thu nhập chịu thuế suất 20%	23.280.831.013	28.833.465.915
Thuế TNDN tính theo thuế suất	4.646.362.095	5.766.693.183
Thuế TNDN được miễn giảm	(1.348.982.375)	(782.219.836)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.297.379.720	4.984.473.347
	-	-
9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		
	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	355.289.835	1.736.341.431
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	1.350.105.297	1.188.473.700
Cộng	1.705.395.132	2.924.815.131
10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	25.720.375.516	27.839.706.788
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.720.375.516	27.839.706.788
Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	-	2.269.859.003
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	935	930
11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	238.487.967.338	253.171.692.515
Chi phí nhân công	40.947.631.583	35.133.071.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.754.385.057	15.326.559.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.919.494.186	106.436.296.925
Chi phí khác bằng tiền	18.960.526.910	22.376.759.339
Cộng	402.070.005.074	432.444.379.864
VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
1. Khấu hao tài sản cố định		
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	11.423.053.175	11.637.088.779
Khấu hao tài sản cố định vô hình	389.361.532	402.861.532
Khấu hao bất động sản	1.941.970.350	3.286.609.348
Cộng	13.754.385.057	15.326.559.659

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	(5.718.337.503)	(5.470.258.710)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định và TS dài hạn khác	(2.801.848.591)	(6.070.177.091)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(1.835.000.000)	(1.831.700.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài doanh nghiệp	-	2.011.123.666
(Lãi)/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(8.470.311.165)	(6.826.487.196)
Cộng	<u>(18.825.497.259)</u>	<u>(18.187.499.331)</u>

3. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền vay ngân hàng	294.731.675.815	385.425.374.284
Cộng	<u>294.731.675.815</u>	<u>385.425.374.284</u>

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền vay ngân hàng	(289.629.380.430)	(408.878.834.663)
Cộng	<u>(289.629.380.430)</u>	<u>(408.878.834.663)</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên
 Tổng Công ty có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm.

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ		Cho thuê và dịch vụ hạ tầng		Truyền hình cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT										
Tài sản bộ phận	111.166.505.509	146.836.163.687	118.593.985.610	115.477.636.970	19.699.405.492	23.128.301.974	-	-	249.459.896.611	285.442.102.631
Tài sản không phân bổ							286.986.285.204	271.702.351.314	286.986.285.204	271.702.351.314
Tổng Tài sản	111.166.505.509	146.836.163.687	118.593.985.610	115.477.636.970	19.699.405.492	23.128.301.974	286.986.285.204	271.702.351.314	536.446.181.815	557.144.453.945
Nợ phải trả bộ phận	32.598.386.704	32.749.013.000	86.250.679.458	82.560.065.364	9.425.114.094	9.578.011.307	-	-	128.274.180.256	124.887.089.671
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	71.290.808.233	64.838.260.990	71.290.808.233	64.838.260.990
Tổng Nợ phải trả	32.598.386.704	32.749.013.000	86.250.679.458	82.560.065.364	9.425.114.094	9.578.011.307	71.290.808.233	64.838.260.990	199.564.988.489	189.725.350.661

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp		Cho thuê và dịch vụ hạ tầng		Truyền hình cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020	Từ 01/01/2021 -> 31/12/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT										
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	433.867.708.625	514.881.656.070	9.487.259.082	17.314.192.280	29.771.670.123	32.294.424.325	-	-	473.126.637.830	564.490.272.675
Doanh thu hoạt động tài chính	678.541.253	385.735.270	-	-	-	-	7.544.337.503	7.658.722.765	8.222.878.756	8.044.458.035
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	8.470.311.165	6.826.487.196	8.470.311.165	6.826.487.196
Thu nhập khác	3.128.269.677	5.836.542.546	2.801.848.591	6.007.206.221	-	-	-	-	5.930.118.268	11.843.748.767
Tổng doanh thu và thu nhập khác	437.674.519.555	521.103.933.886	12.289.107.673	23.321.398.501	29.771.670.123	32.294.424.325	16.014.648.668	14.485.209.961	495.749.946.019	591.204.966.673
Giá vốn hàng bán	388.477.963.906	462.404.832.890	5.280.250.272	7.320.569.611	18.675.113.936	18.911.577.118	-	-	412.433.328.114	488.636.979.619
Chi phí bán hàng	22.818.611.948	29.013.060.810	-	-	1.517.608.918	1.976.032.628	-	-	24.336.220.866	30.989.093.438
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.691.696.764	17.016.750.806	2.717.709.332	3.358.446.223	5.656.823.182	5.028.527.496	-	-	23.066.229.278	25.403.724.525
Chi phí tài chính	909.566.225	2.512.256.027	-	-	-	266.416.984	3.659.878.173	4.611.776.162	4.569.444.398	7.390.449.173
Chi phí khác	869.247.310	2.488.137.619	74.000.000	60.000.000	-	869.721	-	-	943.247.310	2.549.007.340
Tổng chi phí	427.767.086.153	513.435.038.152	8.071.959.604	10.739.015.834	25.849.546.036	26.183.423.947	3.659.878.173	4.611.776.162	465.348.469.966	554.969.254.095
Lợi nhuận trước thuế	9.907.433.402	7.668.895.734	4.217.148.069	12.582.382.667	3.922.124.087	6.111.000.378	12.354.770.495	9.873.433.799	30.401.476.053	36.235.712.578
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	7.091.822.623	7.034.305.124	1.880.694.319	3.408.000.204	4.781.868.115	4.884.254.331	-	-	13.754.385.057	15.326.559.659
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định	849.191.262	2.018.689.057	-	-	1.280.824.723	1.148.714.350	-	-	2.130.015.985	3.167.403.407

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. Thông tin giao dịch với các bên liên quan**Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty CP CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	Công ty liên kết (gián tiếp)
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
	Ứng vốn	-	5.545.000.000
Công ty CP CNN Bình Định	Thu hồi vốn đã ứng	5.734.220.000	4.000.000.000
	Lãi cho vay	210.053.240	489.913.996
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Pisico	Bán hàng	1.178.426.135	2.346.309.854
	Cổ tức được chia	5.851.950.000	3.151.050.000
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Bán hàng hoá	1.857.188.500	58.815.107.601
	Cho thuê CSHT	396.030.697	802.145.905
	Mua hàng	45.398.411.580	102.033.030.082
	Cổ tức được chia	963.250.200	1.605.417.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Doanh thu cho thuê VP	83.005.575	99.151.824
	Cho thuê CSHT	98.712.749	-
	Lãi ứng trước tiền hàng	929.499.998	1.068.510.957
	Thu hồi tiền ứng trước	-	2.700.000.000
Công ty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	Bán hàng	149.220.324.888	61.271.438.360
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng	-	795.760.273
	Thu hoàn ứng trước	-	43.000.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Doanh thu cho thuê VP	183.223.625	115.237.524
	Doanh thu bán gỗ	1.184.534.000	5.244.080.916
	Mua vật tư trừ công nợ	1.534.507.194	565.153.585
	Cho vay	56.800.000.000	25.410.000.000
	Thu hồi nợ vay	50.300.000.000	6.000.000.000
	Lãi cho vay	2.561.329.400	2.059.626.593
	Trả cổ tức	21.967.275.000	26.627.000.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay	-	5.734.220.000
	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.159.661.796
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Pisico	Phải thu khác ngắn hạn	3.151.050.000	3.151.050.000
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Phải thu khách hàng	435.633.767	4.204.720.346
	Phải trả người bán	-	-
	Phải thu khác ngắn hạn	963.250.200	2.029.032.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Phải thu khách hàng	21.984.736	827.438.481
	Ứng trước cho người bán	14.300.000.000	14.300.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	3.103.010.955	2.173.510.957
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Phải thu khác ngắn hạn	2.090.760.273	3.590.760.273
	Phải thu khách hàng	4.894.074.826	6.662.872.502
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu về cho vay	40.130.780.000	33.630.780.000
	Phải thu khác ngắn hạn	4.708.259.385	2.146.929.985

Bình Định, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Đức Phước
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc